TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 492/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Tống Thị Kim Điền.

2/ Ông Nguyễn Đoàn Đăng Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 58/TB-TA ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Nguyễn Diễm Q, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ thường trú: Số A đường S, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ tạm trú: Nhà không số, Tổ A, khu phố C, phường K, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/12/2017.

Trong thời gian chung sống vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống, cách ứng xử. Vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ, hai bên đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được và đã sống ly thân từ năm 2019

đến nay. Ngoài ra, do vợ chồng mâu thuẫn nên vào năm 2022 cả hai đã nộp đơn thuận tình ly hôn nhưng sau đó Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay bà Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông P để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn Lê Khánh T, sinh ngày 30/10/2018 và Nguyễn Lê Đăng K, sinh ngày 01/5/2020. Bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn vắng mặt nhưng có văn bản trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Do vợ chồng mâu thuẫn nên ông P đồng ý ly hôn với bà Q.

- Về con chung: Ông P đồng ý giao 2 con chung tên Nguyễn Lê Khánh T, sinh ngày 30/10/2018 và Nguyễn Lê Đăng K, sinh ngày 01/5/2020 cho mẹ là bà Q được trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[2] Bà Q khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với ông P; địa chỉ tạm trú: Nhà không số, Tổ a, khu phố C, phường K, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét yêu cầu của bà Q về việc yêu cầu được ly hôn với ông P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông P là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 160/2017 ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay, bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Theo bà Q thì trong thời gian chung sống vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống, cách ứng xử. Vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ, hai bên đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông P để ổn định cuộc sống.

[8] Theo ông P trình bày thì do vợ chồng ông mâu thuẫn nên ông P đồng ý ly hôn với bà Q.

[9] Ngoài ra, theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì ông P và bà Q đã từng nộp đơn thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết, sau đó thì Tòa án đã ra quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 19/10/2022.

[10] Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Q và ông P đã xảy ra trong thời gian dài nhưng đến nay thì bà Q và ông P cũng không đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và không mong muốn đoàn tụ gia đình. Xét thấy hôn nhân giữa bà Q và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[11] Về con chung: Bà Q và ông P xác nhận có 2 con chung tên Nguyễn Lê Khánh T, sinh ngày 30/10/2018 và Nguyễn Lê Đăng K, sinh ngày 01/5/2020. Bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung.

[12] Xét thấy, bà Q là người thường xuyên chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, chứng tỏ bà Q có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các con, hơn nữa việc tiếp tục giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi là cần thiết đảm bảo ổn định tâm lý, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, mặt khác ông Phúc cũng đồng ý giao con cho bà Q được trực tiếp nuôi. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà Q sau khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[13] Về cấp dưỡng: Bà Q không yêu cầu ông P cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[14] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về tranh chấp hôn nhân và gia đình

do nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Q:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Q được ly hôn với ông P.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 160/2017 ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Về con chung: Giao 2 con chung tên Nguyễn Lê Khánh T, sinh ngày 30/10/2018 và Nguyễn Lê Đăng K, sinh ngày 01/5/2020 cho mẹ là bà Q được trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

Bà Q không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Q phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015476 ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy bà Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Q và ông P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 7;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Vân Anh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Khắc Dương